

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 620/2022/HCPT

Ngày: 27/12/2022

*V/v: Khiếu kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Lệ;

Các Thẩm phán: Ông Hoàng Mạnh Hùng;

Bà Phạm Việt Hà.

- Thư ký phiên tòa: Bà Chu Thị Diệu, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tuyển, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 27 tháng 12 năm 2022, tại điểm cầu trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội và điểm cầu Tòa án nhân dân tỉnh L xét xử phúc thẩm, công khai vụ án hành chính thụ lý số 404/2022/TLPT-HC ngày 29 tháng 9 năm 2022 do có kháng cáo của người khởi kiện, đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 09/2022/HC-ST ngày 10 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh L về việc khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11534/2022/QĐ-PT ngày 06 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Người khởi kiện:* Ông Chu Thế Đ; địa chỉ: Thôn Bình Đ, xã Q, huyện T, tỉnh L; có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Bà Đinh Thị H; địa chỉ: Thôn Bình Đ, xã Q, huyện T, tỉnh L (Giấy ủy quyền ngày 01/4/2022); có mặt.

2. *Người bị kiện:* Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh L.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng Như B - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh L (Quyết định về việc ủy quyền tham gia tố tụng vụ án hành chính số 1194/QĐ-UBND ngày 12/5/2022 của UBND huyện T, tỉnh L); vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông Bê Văn S - Phó phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T, tỉnh L; vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Bà Đinh Thị H; có mặt.

3.2. Chị Chu Thị G; vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

3.3. Chị Chu Thị A; vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn Bình Đ, xã Q, huyện T, tỉnh L.

Người đại diện theo ủy quyền của chị Chu Thị G, chị Chu Thị A: Bà Đinh Thị H; địa chỉ: Thôn Bình Đ, xã Q, huyện T, tỉnh L (Giấy ủy quyền ngày 01/4/2022); có mặt.

3.4. Chị Chu Thị E; địa chỉ: Thôn Công Khê, xã Hoàng Lâm, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội); có mặt.

3.5. Ông Chu Văn B; có mặt.

3.6. Ông Lương Minh T; vắng mặt.

3.7. Ông Trần Văn V; vắng mặt.

3.8. Bà Nông Thị P; vắng mặt.

3.9. Ông Lý Văn S; vắng mặt.

3.10. Ông Hoàng Văn U; vắng mặt.

3.11. Ông Hoàng Văn Q; vắng mặt.

3.12. Ông Trần Đức A; vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn C, xã Q, huyện T, tỉnh L.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Lương Minh T, ông Trần Văn V, bà Nông Thị P, ông Lý Văn S, ông Hoàng Văn U, ông Hoàng Văn Q, ông Trần Đức A: Ông Chu Văn B; địa chỉ: Thôn C, xã Q, huyện T, tỉnh L (Giấy ủy quyền ngày 27/4/2022); có mặt.

3.13. Ủy ban nhân dân xã Q, huyện T, tỉnh L.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Chu Văn H - Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Q, huyện T, tỉnh L; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và các bản tự khai, người khởi kiện ông Chu Thế Đ trình bày:

Ngày 25/5/1999, gia đình ông được nhà nước cấp Hồ sơ giao đất rừng và đất trồng rừng đối với diện tích 5ha thuộc lô đất số 1105, loại đất rừng sản xuất. Năm 2008, khi thực hiện dự án đo đạc bản đồ địa chính, lập hồ sơ địa chính cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp, gia đình ông đã đi kê khai đối với diện tích đất trên tuy nhiên tại thực địa cán bộ nói rằng đất bên cạnh không có ai sử dụng nên gia đình ông đã nhận thêm diện tích hơn 5ha. Ngày 08/11/2010, gia đình ông được UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BĐ 630481 đối với diện tích 118.628m² đất rừng sản xuất thuộc

thửa đất số 264, tờ bản đồ số 03. Sau khi được giao đất, gia đình ông đã trồng xoan trên $\frac{1}{2}$ diện tích; còn khoảng 03 sào đất rừng do ông Chu Văn B đã mượn để canh tác trồng ngô. Do gia đình hiện chưa sử dụng đến nên đã cho ông Chu Văn B mượn diện tích đất trên từ năm 2012.

Năm 2015, ông Chu Văn B làm lán nhỏ trên đất rừng. Năm 2018, xây nhà gạch cấp 4 trên nền diện tích cũ của nhà lán, ông biết ông Chu Văn B xây nhà nhưng ông không có ý kiến vì cho rằng ông Chu Văn B đã mượn đất của ông thì sau này sẽ có trách nhiệm trả đất cho ông. Năm 2019, ông đòi lại đất nhưng ông Chu Văn B không trả. Năm 2020, ông Chu Văn B lại san thêm một ô bên cạnh để xây chuồng lợn, chuồng gà. Ông đã ngăn cản không cho san ủi nhưng không được. Ông đã báo chính quyền địa phương, báo Công an xã nhưng chỉ nói bằng miệng không lập biên bản. Năm 2021, ông Chu Văn B đại diện cho 14 hộ thôn C đã có đơn kiến nghị giải quyết tranh chấp đất đai gửi lên xã về việc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông cấp trùng lên đất của 14 hộ gia đình khác. Do hòa giải tại xã không thành nên ông Chu Văn B đã có đơn gửi UBND huyện. Ngày 11/5/2021, cán bộ đến kiểm tra thực địa khu đất tranh chấp và tại buổi thẩm định ông Chu Văn B không cung cấp được các giấy tờ pháp lý liên quan đến khu đất tranh chấp tuy nhiên có nhà của ông Chu Văn B trên đất.

Ngày 13/6/2021, UBND huyện T đã ban hành Thông báo số 104/TB-UBND về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ ông Chu Thế Đ. Không đồng ý với Thông báo trên, ông đã làm đơn khiếu nại gửi UBND huyện T. Ngày 17/12/2021, Chủ tịch UBND huyện T ban hành Quyết định số 3328/QĐ-UBND với nội dung bác khiếu nại của ông Chu Thế Đ. Do vậy, ông Chu Thế Đ khởi kiện đề nghị Tòa án hủy Thông báo số 104/TB-UBND ngày 13/6/2021 của UBND huyện T và Quyết định số 3328/QĐ-UBND ngày 17/12/2021 của Chủ tịch UBND huyện T, tỉnh L.

Người bị kiện UBND và Chủ tịch UBND huyện T, tỉnh L trình bày: Sau khi nhận được đơn đề nghị giải quyết tranh chấp đất đai của ông Chu Văn B, đại diện cho 14 hộ thôn C, UBND huyện T đã giao cho Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện tiến hành xác minh. Qua kiểm tra xác định: Ngày 25/5/1999, ông Chu Thế Đ được UBND huyện giao Hồ sơ giao đất rừng và đất trồng rừng theo Quyết định số 466/UB-QĐ ngày 10/3/1998 với diện tích là 16,9ha trong đó có diện tích 5ha thuộc lô đất số 1105, loại đất rừng sản xuất. Sau khi đo đạc lại bản đồ địa chính, ngày 08/11/2010, gia đình ông Chu Thế Đ được UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BĐ 630481 đối với diện tích 118.628m² đất rừng sản xuất thuộc thửa đất số 264, tờ bản đồ số 03. Đối chiếu bản đồ địa chính xã Q thửa đất số 264 cấp trùng vào thửa đất 176 diện tích 280,3m² tờ bản đồ số 135, đất trồng cây lâu năm (đã được cấp cho bà Nông Thị P); thửa đất 177 diện tích 519,8m² tờ bản đồ số 135, đất ở tại nông thôn (đã được cấp cho bà Nông Thị P); thửa đất 178 diện tích 370,9m² tờ bản đồ số 135 (đã được cấp cho ông Lý Văn S). Ngoài ra trên đất tranh chấp còn có 04 ngôi nhà của ông Lý Văn S, bà Nông Thị P, ông Trần Đức A, ông Chu Văn B. Ngày 13/6/2021, UBND huyện ban hành Thông báo số 104/TB-UBND về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ ông Chu Thế Đ. Ngày

30/9/2021, UBND huyện đã nhận được đơn khiếu nại của ông Chu Thế Đ về việc không đồng ý với nội dung của Thông báo số 104/TB-UBND. Căn cứ kết quả xác minh, ông Chu Thế Đ từ trước đến nay chưa từng canh tác khu đất tranh chấp 6,4ha, ông Chu Thế Đ chỉ quản lý và sử dụng diện tích 5,0ha trên sổ bìa xanh mà ông được giao năm 1999. Vì vậy, ngày 17/12/2021, Chủ tịch UBND huyện T ban hành Quyết định số 3328/QĐ-UBND không chấp nhận nội dung khiếu nại của ông Chu Thế Đ. Thông báo số 104/TB-UBND ngày 13/6/2021 của UBND huyện T và Quyết định số 3328/QĐ-UBND ngày 17/12/2021 của Chủ tịch UBND huyện T là đúng quy định. Vì vậy, đề nghị Tòa án bác đơn khởi kiện của ông Chu Thế Đ. Do có việc nhầm lẫn trong việc áp dụng điều luật nên ngày 05/8/2022, UBND huyện T đã có Quyết định số 1930/QĐ-UBND về việc đính chính Quyết định số 3328/QĐ-UBND, cụ thể căn cứ điểm c khoản 26 Điều 1 Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung khoản 4, khoản 5 Điều 87 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014.

Ý kiến của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai bà Đinh Thị H, chị Chu Thị G, chị Chu Thị A, chị Chu Thị E nhất trí với ý kiến của người khởi kiện Chu Thế Đ, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Chu Thế Đ.

Tại Công văn số 59/CV-UBND ngày 30/5/2022 của Ủy ban nhân dân xã Q, huyện T, tỉnh L trình bày: Đối chiếu sổ lâm bạ và bản đồ giao đất, giao rừng năm 1998, lô 1107 được UBND huyện giao cho tập thể thôn C diện tích 35,5ha; lô 1105 được UBND huyện giao cho ông Chu Thế Đ diện tích 5,0ha. Năm 2008, ông Chu Thế Đ đi đăng ký kê khai lô 1105 để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tuy nhiên khi cấp Giấy chứng nhận, UBND huyện đã cấp một phần diện tích đất của tập thể thôn C cho hộ ông Chu Thế Đ diện tích 6,4ha. Trên thực tế, người quản lý diện tích 6,4ha đang tranh chấp là các hộ dân thuộc thôn C. Vì vậy, UBND huyện T đã ban hành Thông báo số 104/TB-UBND ngày 13/6/2021 về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ ông Chu Thế Đ là đúng quy định. Sau khi có kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ và chồng ghép bản đồ xác định thửa đất 264, tờ bản đồ số 03 cấp trùng lên 46 thửa đất khác của các hộ gia đình thôn C, xã Q, huyện T (trong đó có 31 thửa đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất), phía UBND xã Q đề nghị Tòa án bác đơn khởi kiện của ông Chu Thế Đ để đảm bảo quyền lợi cho các hộ dân thôn C, xã Q, huyện T.

Ông Chu Văn B, ông Lương Minh T, ông Trần Văn V, bà Nông Thị P, ông Lý Văn S, ông Hoàng Văn U, ông Hoàng Văn Q, ông Trần Đức A cùng trình bày: Năm 2019, các ông, bà nghe thông tin hộ ông Chu Thế Đ được nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất của các ông bà đang quản lý sử dụng nên khoảng tháng 4/2020, các ông, bà làm đơn yêu cầu giải quyết tranh chấp đất đai. Sau khi cán bộ đến thực địa đo đạc kiểm tra xác định thửa đất 264 đã cấp trùng lên đất của 14 hộ thôn C diện tích khoảng 6,4ha. Sau đó, UBND huyện T đã ban hành Thông báo số 104/TB-UBND ngày 13/6/2021 về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ ông Chu Thế Đ là đúng quy

định. Thực tế từ trước đến nay, 14 hộ thôn C là người quản lý sử dụng thực tế diện tích khoảng 6,4ha để canh tác trồng ngô. Ngoài ra, có tài sản trên đất là 04 ngôi nhà của ông Lý Văn S, bà Nông Thị P, ông Trần Đức A và ông Chu Văn B. Nay, các ông, bà đề nghị Tòa án bác đơn khởi kiện của ông Chu Thế Đ vì không có căn cứ.

Quá trình giải quyết vụ án, ngày 06/6/2022, ông Chu Thế Đ có đơn đề nghị Tòa án cấp sơ thẩm đi xem xét, thẩm định tại chỗ và chồng ghép bản đồ đối với diện tích đất thuộc thửa 264, tờ bản đồ số 03.

Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ ngày 24/6/2022 xác định diện tích đất 118.628m² thuộc thửa đất số 264, tờ bản đồ số 03, có địa danh Nà Luông thuộc thôn Pò Mặn (hiện tại được sát nhập là thôn Nà Linh), xã Q, huyện T, tỉnh L, đã được UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BĐ 630481 ngày 08/11/2010 cho hộ ông Chu Thế Đ. Trên thửa đất 264 có các nương trồng ngô của các hộ gia đình ông Chu Văn B, ông Lương Minh T, ông Trần Văn V, bà Nông Thị P, ông Lý Văn S, ông Hoàng Văn U, ông Hoàng Văn Q, ông Trần Đức A, ông Mông Văn Vảng, ông Hoàng Văn Dương, ông Lý Văn Co, ông Hoàng Văn Định; ngôi mộ của cha ông nhà ông Hoàng Văn U; một số cây thông của ông Lương Minh T; bụi tre của ông Trần Văn V, bà Nông Thị P, ông Lý Văn S, ông Hoàng Văn U, ông Lương Minh T; cây xoan, gỗ tạp của ông Hoàng Văn Q; ngôi nhà cấp 4 diện tích khoảng 60m² xây dựng năm 1985 đã được UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Lý Thị Phụng; ngôi nhà lán diện tích khoảng 18m² xây dựng năm 2019 của ông Chu Văn B chưa cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; ngôi nhà cấp 4 diện tích khoảng 50m² xây dựng năm 2004 của ông Trần Đức A chưa cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; ngôi nhà cấp 4 diện tích khoảng 80m² xây dựng năm 2012 đã được UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Lý Văn S và bà Nông Thị Phở; khoảng 10 cây chuối và 4000 cây xoan của ông Chu Thế Đ trồng năm 2019. Số hóa, chồng ghép bản đồ giao đất lâm nghiệp với bản đồ địa chính đất lâm nghiệp tỷ lệ 1/10.000 xác định thửa đất 264, tờ bản đồ số 03 cấp trùng lên 46 thửa đất khác của các hộ gia đình thôn C, xã Q, huyện T (trong đó có 31 thửa đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất).

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 09/2022/HC-ST ngày 10 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh L đã quyết định: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Chu Thế Đ về yêu cầu hủy Thông báo số 104/TB-UBND ngày 13/6/2021 của UBND huyện T về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ ông Chu Thế Đ; hủy Quyết định số 3328/QĐ-UBND ngày 17/12/2021 của Chủ tịch UBND huyện T, tỉnh L về việc giải quyết khiếu nại của ông Chu Thế Đ vì không có căn cứ.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 22/8/2022, ông Chu Thế Đ có đơn kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, hủy Thông báo số 104/TB-UBND ngày 13/6/2021 của UBND huyện T và Quyết định số 3328/QĐ-UBND ngày 17/12/2021 của Chủ

tịch UBND huyện T, tỉnh L.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông Chu Thế Đ giữ nguyên nội dung kháng cáo đề nghị sửa bản án sơ thẩm. Bà Đinh Thị H có ý kiến: Khi đo đất đo nhiều vị trí cả ruộng và đường đi, do vậy bà yêu cầu phải trả lại đúng diện tích gia đình bà đang quản lý sử dụng mà nhà nước đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình bà; sau khi đối chiếu bản đồ, Ủy ban nhân dân huyện T thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì phải cấp lại cho gia đình bà theo đúng pháp luật.

Ông Chu Văn B đề nghị giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội có quan điểm: Căn cứ kết quả số hóa, lồng ghép bản đồ giao đất lâm nghiệp với bản đồ địa chính xác định thửa đất 264 diện tích 118.628m² cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình ông Chu Thế Đ cấp trùng lên 46 thửa đất khác của các hộ gia đình ở thôn C, xã Q. Do đó, UBND huyện T ban hành Thông báo số 104/TB-UBND ngày 13/6/2021 về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ ông Chu Thế Đ; Chủ tịch UBND huyện T ban hành Quyết định số 3328/QĐ-UBND ngày 17/12/2021 không chấp nhận khiếu nại của ông Chu Thế Đ là đúng pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính bác kháng cáo; giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về đối tượng khởi kiện và thẩm quyền giải quyết vụ án :

Ông Chu Thế Đ khởi kiện yêu cầu hủy Thông báo số 104/TB-UBND ngày 13/6/2021 của UBND huyện T về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ ông Chu Thế Đ; Quyết định số 3328/QĐ-UBND ngày 17/12/2021 của Chủ tịch UBND huyện T, tỉnh L về việc giải quyết khiếu nại của ông Chu Thế Đ. Các quyết định trên đều thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án bằng vụ án hành chính theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 3 và Điều 30 Luật Tố tụng hành chính. Tòa án nhân dân tỉnh L thụ lý, giải quyết vụ án hành chính là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 4 Điều 32 của Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

[1.2] Về thời hiệu khởi kiện:

Ngày 11/01/2022, ông Chu Thế Đ có đơn khởi kiện là còn thời hiệu khởi kiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

[2] Về nội dung:

Xét tính hợp pháp của các quyết định hành chính bị khiếu kiện:

[2.1] Về thẩm quyền, trình tự thủ tục ban hành:

UBND huyện T ban hành Thông báo số 104/TB-UBND ngày 13/6/2021 về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Chủ tịch UBND huyện T ban hành Quyết định số 3328/QĐ-UBND ngày 17/12/2021 về việc giải quyết khiếu nại là đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định tại Điều 105, Điều 106 Luật đất đai năm 2013, Luật khiếu nại năm 2011.

[2.2] Về nội dung các quyết định:

Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ ngày 24/6/2022 xác định diện tích đất 118.628m² thuộc thửa đất số 264, tờ bản đồ số 03, có địa danh Nà Luông thuộc thôn Pò Mặn (hiện tại được sát nhập là thôn Nà Linh), xã Q, huyện T, tỉnh L, đã được UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BĐ 630481 ngày 08/11/2010 cho hộ ông Chu Thế Đ. Đối chiếu bản đồ giao đất lâm nghiệp và sổ lâm bạ tại xã Q năm 1998, diện tích 118.628m² thuộc lô đất 1105 diện tích 5,0ha (đã được UBND huyện giao cho hộ ông Chu Thế Đ theo Quyết định số 466/UB-QĐ ngày 10/3/1998); lô đất 1106 và một phần lô đất 1107 diện tích 35,5 ha do tập thể thôn C, xã Q, huyện T quản lý.

Kết quả số hóa, chồng ghép bản đồ giao đất lâm nghiệp với bản đồ địa chính đất lâm nghiệp tỷ lệ 1/10.000 xác định thửa đất 264, tờ bản đồ số 03 diện tích 118.628m² cấp trùng lên 46 thửa đất khác của 10 hộ gia đình thôn C, xã Q, huyện T (trong đó có 31 thửa đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) trong đó có các hộ của ông Chu Văn B, ông Lương Minh T, ông Trần Văn V, bà Nông Thị P, ông Lý Văn S, ông Hoàng Văn U, ông Hoàng Văn Q, ông Trần Đức A. Trên diện tích 118.628m² còn có tài sản của các hộ dân thôn C là: 04 ngôi nhà trên đất; các nương trồng ngô; bụi tre; ngôi mộ.

Quá trình giải quyết vụ án, bà Đinh Thị H là vợ ông Chu Thế Đ cũng thừa nhận năm 2008, khi thực hiện dự án đo đạc bản đồ địa chính, lập hồ sơ địa chính cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp, gia đình bà đã đi kê khai đối với diện tích đất 5,0ha thuộc lô 1105 tuy nhiên tại thực địa cán bộ nói rằng đất bên cạnh không có ai sử dụng nên gia đình bà đã nhận thêm diện tích hơn 6ha và ngày 08/11/2010, gia đình bà đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích hơn 11ha đất rừng sản xuất.

Mặt khác, hộ ông Chu Thế Đ chưa từng canh tác diện tích đất 6,4ha mà các hộ dân thôn C đang quản lý; hộ ông Chu Thế Đ chỉ quản lý và canh tác trồng chuối, xoan trên diện tích 5ha trên sổ bìa xanh được giao năm 1999 thuộc lô 1105 và lô 1106.

Như vậy, diện tích 118.628m² thuộc thửa đất 264, tờ bản đồ số 03 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trùng lẫn lên đất của các hộ gia đình khác ở thôn C đang quản lý. Căn cứ điểm c khoản 26 Điều 1 Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung khoản 4, khoản 5 Điều 87 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014, trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà

ở và tài sản khác gắn liền với đất phát hiện Giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định của pháp luật về đất đai thì kiểm tra lại, thông báo cho người sử dụng đất biết rõ lý do và quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định. UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Chu Thế Đ không đúng diện tích đất, không đúng đối tượng sử dụng đất, thuộc trường hợp thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định điểm d khoản 2 Điều 106 Luật Đất đai. Vì vậy, UBND huyện T đã ban hành Thông báo số 104/TB-UBND ngày 13/6/2021 về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ ông Chu Thế Đ là đúng pháp luật.

Đối với Quyết định số 3328/QĐ-UBND ngày 17/12/2021 của Chủ tịch UBND huyện T về việc giải quyết khiếu nại của ông Chu Thế Đ: Thông báo số 104/TB-UBND ngày 13/6/2021 của UBND huyện T là đúng pháp luật cho nên Quyết định số 3328/QĐ-UBND ngày 17/12/2021 của Chủ tịch UBND huyện T với nội dung bác đơn khiếu nại của ông Chu Thế Đ đối với Thông báo số 104/TB-UBND trên cũng là có căn cứ đúng pháp luật.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông Chu Thế Đ.

[3] Về án phí: Ông Chu Thế Đ không được chấp nhận kháng cáo nên phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Bác kháng cáo của ông Chu Thế Đ; giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 09/2022/HC-ST ngày 10 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh L.

2. Về án phí hành chính phúc thẩm: Ông Chu Thế Đ phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm, được đối trừ với số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm tại Biên lai số 0000041 ngày 06/9/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh L.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh L;
- Cục THADS tỉnh L;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu HS, HCTP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thế Lê

